SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT VÙNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

Tên vùng	Diện tích (km2)	Số lượng loại đô thị			
		ĐB	1	2	3
Vùng đô thị Đà Nẵng	6.217,97		3	3	3

N

TRỊ

THỪA THIÊN-HUẾ

ĐÀ NẴNG

QUẢNG NAM

QUẢNG NGÃI

BÌNH ĐỊNH

KON TUM

GIA LAI

BIỂN TÂY

BIỂN ĐÔNG

KÍ HIỆU

Định hướng đô thị năm 2030

- Loại I TW
- Loại I TW dự kiến
- Loại I
- Loại II
- Loại III

Hiện trạng hạ tầng kinh tế-kỹ thuật

- Khu công nghiệp
- Cửa khẩu quốc tế
- Cửa khẩu chính
- Khu kinh tế cửa khẩu
- Khu kinh tế ven biển
- Cảng đặc biệt
- Cảng loại 1
- Cảng nội địa
- Cảng hàng không quốc tế

Quy hoạch giao thông đường bộ

- Cao tốc quy hoạch sau 50 năm
- Cao tốc hiện trạng
- Quốc lộ hiện trạng
- Cao tốc xây mới
- Quốc lộ xây mới
- Đường sắt quốc gia

- Vùng lõi vùng đô thị
- Đất đô thị
- Khu vực nông thôn

Hiện trạng đất rừng

- Đất rừng đặc dụng
- Đất rừng phòng hộ
- Đất rừng sản xuất

Tên quy hoạch:
QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN THỜI KỲ 2021 - 2030 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Tên bản đồ, bản đồ:
SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT VÙNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
TỶ LỆ: 1/100.000
(Kèm theo hồ sơ trình thẩm định, trình quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch tại Tờ trình số.....ngày.....tháng.....năm.....của hoặc đã cập nhật, bổ sung, hoàn thiện theo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

BỘ XÂY DỰNG	CỤC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ	VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUỐC GIA
Hà Nội, ngày..... tháng ..... năm....	*Hà Nội, ngày..... tháng ..... năm....*	*Hà Nội, ngày..... tháng ..... năm....*

Hệ tọa độ: VN-2000
Giai đoạn quy hoạch: Trình phê duyệt
Nguồn tài liệu:.....

TỶ LỆ BẢN ĐỒ: 1:100.000